

Bản án số: 41/2017/HSST
Ngày: 17-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thành Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường.
2. Ông Dương Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị T Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2017/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/HSST-QĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc S, tên gọi khác: không, sinh năm: 1993 tại Long An; Nơi cư trú: ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Nguyễn Tấn L và bà Phan Thị Kim P; bản thân có chồng tên Trần Văn U, có 02 con lớn sinh năm 2012 nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bị hại:

1. Phạm Quốc D, sinh năm 1988 (vắng mặt)
ĐKTT: Ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh Long An.
2. Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
ĐKTT: Ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh Long An.
3. Trần Thị Thanh T, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
ĐKTT: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An.
4. Phạm Tấn P, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
ĐKTT: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Văn U, sinh năm 1990 (có mặt)

ĐKTT: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

2. Phan Thị Kim D, sinh năm 1973 (vắng mặt)

ĐKTT: QL1A, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 06/12/2016, Nguyễn Thị Ngọc S điều khiển xe mô tô biển số 54U2-7553 đi đến tiệm tạp hóa của chị Trần Thị Thanh T, tại ấp 6, xã T, huyện B, khi đến nơi S dựng xe mô tô bên ngoài, đi vào trong tiệm lựa chọn quần áo, giày và mỹ phẩm gồm: 05 quần Jean nữ, 02 quần short vải kaki, 01 quần Jean lửng, 06 bộ quần áo vải cát, 01 đầm hồng, 02 áo thun nam, 05 áo thun nữ; 01 áo voan nữ, 03 đôi giày da nữ, 06 hộp kem dưỡng da, 07 chai nước hoa, 02 chai tẩy tế bào chết, 01 chai dưỡng thể. S lấy tất cả quần áo, giày và mỹ phẩm đã chọn bỏ vào túi nylon rồi yêu cầu chị T tính tiền, do chị T nghi ngờ S lợi dụng sơ hở lấy hàng hóa của tiệm nên kêu chị Nguyễn Thị B quản lý hàng hóa, ghi vào hóa đơn tính tiền, lúc này S kêu chị T lấy thêm cho S 02 áo khoác nữ, khi chị T đi vào trong lấy áo theo yêu cầu của S, S lấy túi nylon đựng đồ đã lựa chọn đem bỏ lên xe và chạy đi. Sau khi bị S lấy tài sản, chị T báo Công an xã T. Đến 12 giờ cùng ngày, S bị công an xã mời làm việc. Qua làm việc S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Biên bản định giá tài sản số 29/BB-TCKH ngày 26/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, kết luận: 05 quần Jean nữ, 02 quần short vải khaki, 01 quần Jean lửng, 06 bộ quần áo vải cát, 01 đầm hồng, 02 áo thun nam, 05 áo thun nữ; 01 áo voan nữ, 03 đôi giày da nữ, 06 hộp kem dưỡng da, 07 chai nước hoa, 02 chai tẩy tế bào chết, 01 chai dưỡng thể mà S lấy trộm của chị Trần Thị Thanh T trị giá 6.460.000đ

Ngoài ra, với thủ đoạn tương tự từ ngày 15/11/2016 đến ngày 03/12/2016, S đã 03 lần thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng 08 giờ 05 phút ngày 15/11/2016, S điều khiển xe mô tô biển số 54U2-7553 đến tiệm tạp hóa “Kim H”, ấp 1, xã Nhựt Chánh, huyện B do Nguyễn Thị Kim H làm chủ, S lấy trộm: 02 bịch tã baby, 16 bao thuốc lá hiệu Craven, 02 lít dầu ăn, 02kg đường cát, 02 bịch bột ngọt, 01 bịch comfort 1.8l, 01 bịch bột giặt, 02 chai nước mắt đệ nhị, 02 thùng sữa Vinamilk.

Lần thứ 2: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 23/11/2016, S điều khiển xe mô tô biển số 54U2-7553 đến tiệm tạp hóa của anh Phạm Tấn P, ấp 6, xã T, huyện B, S lấy trộm: 01 lon sữa Nuti, 01 bịch tã baby, 02 bịch băng Kotex, 01 chai nước rửa chén, 02 kem đánh răng P/S trà xanh, 01 kg bột nêm, 01 chai dầu ăn, 01 chai sữa tắm baby, 01 chai lăn khử mùi Xmen, 01 chai sữa tắm Enchenter.

Lần thứ 3: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 03/12/2016, S điều khiển xe mô tô biển số 54U2-7553 đến tiệm giày của Phạm Quốc D, tại đường Võ Công T, thị trấn B lấy trộm 07 đôi giày da nữ.

Tại Biên bản định giá tài sản số 10 ngày 18/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, kết luận: số hàng hóa mà S trộm của Nguyễn Thị Kim H, trị giá 1.389.000đ; S trộm của Phạm Tấn P trị giá 1.495.000đ; và 07 đôi dày da S trộm của Phạm Quốc D trị giá 1.560.000đ.

Như vậy tổng giá trị tài sản mà S lấy trộm của chị Trần Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Kim H, anh Phạm Tấn P, anh Phạm Quốc D là 10.904.000đ. Tất cả tài sản S chiếm đoạt được đem về sử dụng trong gia đình. S không nói cho gia đình biết tài sản do S trộm cắp có được.

Tại cáo trạng số: 40/QĐ-KSĐT ngày 13-6-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục xong hậu quả, tài sản thu hồi đã trả lại cho bị hại, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn, bị cáo đang nuôi con nhỏ nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trần Thị Thanh T đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm. Riêng chị Nguyễn Thị Kim H yêu cầu bồi thường 1.389.000đ, anh Phạm Tấn P yêu cầu 1.495.000đ, Phạm Quốc D yêu cầu 1.520.000đ, hiện S đã bồi thường xong các bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập tới.

Về vật chứng:

- 05 quần Jean nữ, 02 quần short vải khaki, 01 quần Jean lưng, 06 bộ quần áo vải cát, 01 đầm hồng, 02 áo thun nam, 05 áo thun nữ; 01 áo voan nữ, 03 đôi giày da nữ, 06 hộp kem dưỡng da, 07 chai nước hoa, 02 chai tẩy tế bào chết, 01 chai dưỡng thể thuộc sở hữu của chị Trần Thị Thanh T, hiện đã trả lại cho chủ sở hữu;

- 01 xe mô tô biển số 54U2- 7553, màu đỏ - đen thuộc sở hữu của bà Phan Thị Kim D là di ruột của S, giao cho S quản lý, sử dụng, xe không có giấy chứng nhận đăng ký xe, S sử dụng làm phương tiện phạm tội, đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/6/2017)

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S là người đã thành niên, có đầy đủ sức khỏe để làm việc và tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi bị cáo đã nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng nên vào ngày 06/12/2016 bị cáo đã lấy trộm tài sản của chị Trần Thị Thanh T trị giá 6.460.000đ. Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện khai nhận liên tiếp từ ngày 15/11/2016 đến ngày 03/12/2016, bị cáo sử dụng mô tô biển số 54U2- 7553 chạy đến các tiệm tạp hóa của Phạm Tấn P, Nguyễn Thị Kim H, Phạm Quốc D để lén lút trộm tài sản và tổng trị giá tài sản bị cáo đã trộm được 10.904.000đ, như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Động cơ phạm tội của bị cáo là tham lam, chỉ muốn hưởng thụ mà không phải lao động vất vả, tuổi đời của bị cáo còn trẻ lại là người có sức khỏe, lẽ ra bị cáo phải tìm cho mình một công việc để làm, để có thu nhập ổn định và lo cho gia đình nhưng bị cáo lại đi tìm sự sơ hở của người khác để lấy trộm tài sản. Điều đó cho thấy ý thức chủ quan của tội phạm là cố ý.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự công cộng, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Trong khi đó tình hình trộm cắp hiện nay đang là vấn nạn tại địa phương trên địa bàn huyện B. Vì vậy thấy rằng cần phải có một hình phạt đủ nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục xong hậu quả, tài sản thu hồi đã trả lại cho bị hại, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn, bị cáo đang nuôi con nhỏ nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự thì có đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trần Thị Thanh T đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm. Bị hại Nguyễn Thị Kim H yêu cầu bồi thường 1.389.000đ, anh Phạm Tấn P yêu cầu 1.495.000đ, anh Phạm Quốc D yêu cầu 1.520.000đ, hiện bị cáo S đã bồi thường xong và các bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng:

- 05 quần Jean nữ, 02 quần short vải khaki, 01 quần Jean lưng, 06 bộ quần áo vải cát, 01 đầm hồng, 02 áo thun nam, 05 áo thun nữ; 01 áo voan nữ, 03 đôi giày da nữ, 06 hộp kem dưỡng da, 07 chai nước hoa, 02 chai tẩy tế bào chết, 01 chai dưỡng thể thuộc sở hữu của chị Trần Thị Thanh T, đã trả lại cho chủ sở hữu.

- 01 xe mô tô biển số 54U2- 7553, màu đỏ - đen thuộc sở hữu của bà Phan Thị Kim D là di ruột của S, giao cho S quản lý, sử dụng, xe không có giấy chứng nhận đăng ký xe, S sử dụng làm phương tiện phạm tội, đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/6/2017).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 60 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S 09 (chín) tháng tù

nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng được tính từ ngày tuyên án là ngày 27-7-2017.

2. Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S về cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An theo dõi việc bị cáo chấp hành hình phạt án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

(Đã giải thích chế định án treo).

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 54U2- 7553, màu đỏ - đen (Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/6/2017).

4. Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Thành Đồng